UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 3681/QĐ -STC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thừa Thiên Huế, ngày 18 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 9 tháng đầu năm 2022 tỉnh Thừa Thiên Huế

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản pháp quy hướng dẫn thi hành Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 của UBND tỉnh về việc quy định tổ chức thực hiện ngân sách nhà nước địa phương năm 2022;

Căn cứ Công văn số 9712/UBND-TC ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh về đẩy mạnh công khai ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý ngân sách,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước tỉnh 9 tháng đầu năm 2022 các biểu và thuyết minh kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Quản lý ngân sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- UBND tỉnh; (để báo cáo)
- Cổng thông tin điện tử TT Huế;
- Ban biên tập Website Sở Tài chính (để đăng tin)
- Lưu: VT, QLNS (N-4).

GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ TÀI CHÍNH
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

La Phúc Thành

UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do- Hạnh phúc

THUYẾT MINH
Về tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước 9 tháng đầu năm 2022

(Kèm theo Quyết định 3681/QĐ-STC ngày 18 tháng 10 năm 2022 về công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 9 tháng đầu năm 2022 tỉnh Thừa Thiên Huế)

---

1. Về ước thu, chi NSNN 9 tháng đầu năm:

1.1. Về thu NSNN: Tổng thu NSNN trên địa bàn HĐND tỉnh giao đầu năm 6.861 tỷ đồng, 9 tháng đạt 9.241 tỷ đồng *(số liệu cập nhật đến ngày 26/9/2022)*, vượt 34,7% dự toán và tăng 19,4% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể như sau:

a) Thu nội địa: Dự toán giao 6.390 tỷ đồng, 9 tháng đạt 8.735 tỷ đồng, vượt 36,7% dự toán và tăng 21%. Hầu hết các khoản thu 9 tháng đều vượt tiến độ (trên 75%) dự toán.

Có 9 khoản thu đã hoàn thành dự toán cả năm là thu DNNN trung ương quản lý đạt 167 tỷ đồng, vượt 1,8% dự toán; thu từ khu vực đầu tư nước ngoài đạt 2.521 tỷ đồng, vượt 19,7%; thu ngoài quốc doanh đạt 1.232 tỷ đồng, vượt 23%; thu thuế thu nhập cá nhân đạt 482 tỷ đồng, vượt 66% chủ yếu nhờ vào khoản thu thuế thu nhập cá nhân do chuyển nhượng bất động sản; thu tiền thuê đất đạt 881 tỷ đồng, vượt hơn gấp gần 8 lần so với dự toán; thu cấp quyền khai thác khoáng sản vượt 6,7%; thu từ hoạt động xổ số kiến thiết vượt 11%; thu khác vượt 30%.

Thu tiền sử dụng đất: 9 tháng đạt 2.169 tỷ đồng, vượt 81% dự toán và giảm 8,5% so với cùng kỳ.

Bên cạnh đó, vẫn còn một số khoản thu nhưng chưa đạt tiến độ như thu thuế bảo vệ môi trường chỉ đạt 358 tỷ đồng, bằng 57% dự toán do giảm thuế theo Nghị quyết số 18/2022/UBTVQH15 về mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn; thu tại xã mới đạt 66%; thu cổ tức, lợi nhuận được chia, còn lại đạt 22%.

b) Thu thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu: 9 tháng đạt gần 476 tỷ đồng, vượt 3,5% dự toán và tăng 16% so với cùng kỳ.

1.2. Về ước chi ngân sách địa phương

Tổng chi ngân sách địa phương HĐND tỉnh giao đầu năm 11.918 tỷ đồng, 9 tháng đạt gần 7.775 tỷ đồng, bằng 65,1% dự toán, trong đó:

a) Chi đầu tư phát triển

Dự toán giao 4.266 tỷ đồng (gồm nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu), đạt gần 2.579 tỷ đồng, bằng 61% dự toán chủ yếu do giải ngân nguồn vốn ngoài nước và vốn vay lại đạt còn tương đối thấp; cụ thể: vốn xây dựng cơ bản tập trung đạt 75,5%; chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất đạt 58,8% (trong đó chi cho công tác đo đạc bản đồ địa chính mới đạt 10% dự toán); nguồn thu xổ số kiến thiết đạt 50,7%; nguồn trung ương bổ sung mục tiêu đạt 68,1% (trong đó, vốn ngoài nước đạt 44,1% dự toán); nguồn vốn vay lại đạt 11,9%.

Những tháng còn lại của năm 2022 là thời gian vừa thuận lợi vừa khó khăn trong công tác giải ngân kế hoạch vốn; sau thời gian hoàn thiện hồ sơ và quy trình thực hiện, các dự án tập trung triển khai được nhiều khối lượng thanh toán, đây là điểm thuận lợi để nâng cao tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn. Tuy nhiên, thời gian này là giai đoạn chuyển vào mùa mưa, bão tại các tỉnh miền Trung nói chung và tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng nên thời tiết là vấn đề bất lợi lớn nhất trong việc đẩy nhanh thực hiện và thanh toán khối lượng trong các tháng còn lại của năm.

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh về các giải pháp đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, đề nghị các Chủ đầu tư tiếp tục tập trung tháo gỡ các vướng mắc về thủ tục đầu tư, thi công, giải phóng mặt bằng..., đặc biệt là các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia mới được giao vốn nhằm đôn đốc đẩy nhanh tiến độ dự án và giám sát tình hình thực hiện khối lượng theo kế hoạch giải ngân của các chủ đầu tư đã cam kết để có các giải pháp đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư đi đôi với đảm bảo chất lượng của công trình, phấn đấu hoàn thành kế hoạch giao.

b) Chi thường xuyên: đạt 5.140 tỷ đồng, bằng 69,7% dự toán. Dự kiến những tháng cuối năm, công tác giải ngân các nhiệm vụ đã giao dự toán đảm bảo tiến độ đề ra.

Trong công tác điều hành chi ngân sách, Sở Tài chính đã tham mưu UBND tỉnh yêu cầu các đơn vị phải đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, trong phạm vi dự toán được giao; tuân thủ kỷ luật chi tiêu tài chính NSNN. Đối với nguồn vốn chưa phân bổ đầu năm cũng đã được phân bổ theo tiến độ thực hiện như kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ khai thác nuôi trồng thủy sản trên các vùng biển xa (112 tỷ đồng); bổ sung từ nguồn sự nghiệp y tế để đảm bảo cho công tác phòng chống dịch Covid 19 (10 tỷ đồng); sự nghiệp quy hoạch 19 tỷ đồng.

Về nguồn dự phòng ngân sách tỉnh: Được sử dụng đảm bảo cho các nhiệm vụ chi cấp bách chưa được dự toán đầu năm theo đúng quy định của Luật NSNN.

SỞ TÀI CHÍNH THỪA THIÊN HUẾ

Biểu số 59/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG NĂM 2022

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN 9THÁNG NĂM 2022	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	**TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**7.011.300**	**9.391.553**	**133,9%**	**121,3%**
I	**Thu cân đối NSNN**	**6.861.300**	**9.241.553**	**134,7%**	**119,4%**
1	Thu nội địa	6.390.300	8.735.381	136,7%	121,0%
2	Thu từ dầu thô	0	0		
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	460.000	476.172	103,5%	116,4%
4	Thu viện trợ	11.000	30.000	272,7%	25,8%
II	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**	**150.000**	**150.000**	**100,0%**	**0,0%**
B	**TỔNG CHI NSĐP**	**11.907.329**	**7.755.100**	**65,1%**	**106,5%**
I	**Chi cân đối NSĐP**	**9.745.724**	**6.279.897**	**64,4%**	**104,0%**
1	Chi đầu tư phát triển	2.148.720	1.137.500	52,9%	124,0%
2	Chi thường xuyên	7.376.968	5.140.902	69,7%	100,0%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	10.689	1.495	14,0%	163,0%
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.180	0	0,0%	0,0%
5	Dự phòng ngân sách	208.167	0	0,0%	0,0%
II	**Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSĐP**	**2.161.605**	**1.475.203**	**68,2%**	**109,0%**
C	**BỘI CHI NSĐP/BỘI THU NSĐP**	**403.300**	**51.236**	**12,7%**	**0,0%**
D	**CHI TRẢ NỢ GỐC**	**15.600**	**0**	**0,0%**	**0,0%**

Ghi chú: Chi dự phòng đã hạch toán lên từng sự nghiệp

SỞ TÀI CHÍNH THỪA THIÊN HUẾ

Biểu số 60/CK-NSNN

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG ĐẦU NĂM NĂM 2022

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN 9 THÁNG/2022	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**6.861.300**	**9.241.553**	**134,7%**	**119,4%**
I	**Thu nội địa**	**6.390.300**	**8.735.381**	**136,7%**	**121,0%**
1	Thu từ khu vực DNNN	349.000	324.000	92,8%	132,3%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	2.106.000	2.521.000	119,7%	117,8%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.000.000	1.232.086	123,2%	133,7%
4	Thuế thu nhập cá nhân	290.000	482.000	166,2%	139,8%
5	Thuế bảo vệ môi trường	630.000	358.000	56,8%	69,4%
6	Lệ phí trước bạ	260.000	297.000	114,2%	118,1%
7	Thu phí, lệ phí	139.000	128.000	92,1%	96,6%
8	Các khoản thu về nhà, đất	1.321.000	3.067.195	232,2%	593,8%
-	*Thuế sử dụng đất nông nghiệp*	*0*	*0*	0,0%	*0,0%*
-	*Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp*	*14.000*	*16.000*	114,3%	*162,4%*
-	*Thu tiền sử dụng đất*	*1.200.000*	*2.169.000*	180,8%	*93,3%*
-	*Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước*	*105.000*	*881.000*	839,0%	*1525,8%*
-	*Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước*	*2.000*	*1.195*	59,8%	
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	45.000	48.000	106,7%	84,1%
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	20.000	4.400	22,0%	0,0%
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	70.000	78.000	111,4%	141,7%
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	22.300	15.700	70,4%	99,6%
13	Thu khác ngân sách	138.000	180.000	130,4%	140,8%
II	**Thu từ dầu thô**	0	0		
III	**Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu**	**460.000**	**476.172**	**103,5%**	**116,4%**
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	371.160	401.607	108,2%	115,3%
2	Thuế xuất khẩu	25.000	47.360	189,4%	102,0%
3	Thuế nhập khẩu	63.640	26.774	42,1%	103,0%
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu	0	0	0,0%	0,0%
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	200	83	41,5%	104,0%
6	Thu khác	0	348	0,0%	101,0%
IV	**Thu viện trợ**	**11.000**	**30.000**	**0,0%**	**0,0%**
B	**THU NSĐP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP**	**12.256.500**	**8.454.236**	**69,0%**	**100,4%**
1	Từ các khoản thu phân chia	0	0	0,0%	0,0%
2	Các khoản thu NSĐP được hưởng 100%	5.959.700	8.454.236	141,9%	121,0%

SỞ TÀI CHÍNH THỪA THIÊN HUẾ

Biểu số 61/CK-NSNN

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG ĐẦU NĂM NĂM 2022

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN 9 THÁNG NĂM 2022	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
	TỔNG CHI NSĐP	**11.907.329**	**7.755.100**	**65,1%**	**106%**
A	**CHI CÂN ĐỐI NSĐP**	**9.745.724**	**6.279.897**	**64,4%**	**104%**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**2.148.720**	**1.137.500**	**52,9%**	**124%**
1	Chi đầu tư cho các dự án	2.148.720	1.137.500	52,9%	124%
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	0	0		
3	Chi đầu tư phát triển khác	0	0		
II	**Chi thường xuyên**	**7.376.968**	**5.140.902**	**69,7%**	**100%**
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.198.261	2.161.120	67,6%	99%
2	Chi khoa học và công nghệ	45.016	37.414	83,1%	133%
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	760.741	368.160	48,4%	87%
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	121.645	93.600	76,9%	177%
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	28.754	24.865	86,5%	145%
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	39.566	32.730	82,7%	174%
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	227.980	122.794	53,9%	73%
8	Chi sự nghiệp kinh tế	803.403	484.640	60,3%	81%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.426.254	1.105.520	77,5%	105%
10	Chi bảo đảm xã hội	465.675	463.840	99,6%	107%
III	**Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay**	**10.689**	**1.495**	**14%**	**163%**

IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.180	0	0%	0%
V	Dự phòng ngân sách	208.167	0	0,0%	0%
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSĐP	2.161.605	1.475.203	68%	109%
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	0	0		
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	2.117.335	1.442.000	68%	134%
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	44.270	33.203	75%	84%